

BUILDING A CREATIVE AND CULTURALLY RICH LEARNING ENVIRONMENT FOR STUDENTS AT ETHNIC MINORITY BOARDING SCHOOLS: PERSPECTIVE FROM SCHOOL MANAGEMENT

Tran Thi Phuong

Email: Phuongqlgd22@gmail.com

PhD student, Faculty of Education Management,
Hanoi National University of Education
136 Xuan Thuy, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam

Received: 25/8/2025

Revised: 08/9/2025

Accepted: 02/10/2025

Published: 25/12/2025

Abstract: This article analyzes the theoretical foundations of a creative and culturally rich learning environment in ethnic minority boarding high schools, from the perspective of school educational management. It clarifies the concepts of a creative learning environment and a culturally rich environment. The development of this environment is based on three foundational theories: Social Constructivism (emphasizing social interaction and cultural context), Multiple Intelligences (diversifying activities to maximize individual potential), and Cultural Management (building an open school culture that respects ethnic values). The article clarifies the crucial role of school management through four functions: Planning; Organization; Directing; and Controlling. To ensure effective management, several principles must be followed: Integration (embedding culture into all activities), Diversification of Activities, Community (collaborating with artisans, village elders), Encouragement of Learning, and Flexibility (adjusting curriculum to suit the specific characteristics of each ethnic group). The application of this theoretical framework and these principles is the foundation for improving the comprehensive quality of education for ethnic boarding students.

Keywords: School management; creative learning environment; ethnic cultural identity; ethnic minority boarding students; ethnic education.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP SÁNG TẠO VÀ GIÀU BẢN SẮC VĂN HÓA CHO HỌC SINH TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ: GÓC NHÌN TỪ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Trần Thị Phương

Email: Phuongqlgd22@gmail.com

Nghiên cứu sinh Khoa Quản lý Giáo dục,
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
136 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 25/8/2025

Chỉnh sửa xong: 08/9/2025

Chấp nhận đăng: 02/10/2025

Xuất bản: 25/12/2025

Tóm tắt: Bài báo phân tích cơ sở lý luận về môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hóa tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, thông qua lăng kính của công tác quản lý giáo dục nhà trường. Bằng cách làm rõ khái niệm môi trường học tập sáng tạo và môi trường giàu bản sắc văn hóa, việc xây dựng môi trường này dựa trên ba lý thuyết nền tảng: Thuyết Kiến tạo Xã hội (nhấn mạnh tương tác xã hội và bối cảnh văn hóa), Lý thuyết Đa Trí tuệ (đa dạng hóa hoạt động để phát huy tiềm năng cá nhân) và Lý thuyết Quản lý Văn hóa (xây dựng văn hóa nhà trường coi trọng giá trị dân tộc). Bài viết làm rõ vai trò then chốt của quản lý nhà trường thông qua bốn chức năng: Lập kế hoạch, Tổ chức, Chỉ đạo, Kiểm tra. Để quản lý hiệu quả, cần tuân thủ các nguyên tắc: Tích hợp (lồng ghép văn hóa vào mọi hoạt động), Đa dạng hóa hoạt động, Cộng đồng (hợp tác với nghệ nhân, già làng), Khuyến khích học tập và Linh hoạt (điều chỉnh chương trình phù hợp với đặc thù từng dân tộc). Việc áp dụng hệ thống lý thuyết và nguyên tắc này là nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh dân tộc nội trú.

Từ khóa: Quản lý nhà trường, môi trường học tập sáng tạo, bản sắc văn hoá dân tộc, học sinh dân tộc nội trú, giáo dục dân tộc.

1. Mở đầu

Giáo dục phổ thông dân tộc nội trú đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực và bảo tồn văn hóa cho các dân tộc thiểu số tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc xây dựng một môi trường học tập hiệu quả vừa khuyến khích tư duy sáng tạo vừa gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống vẫn đang là một thách thức lớn. Hiện nay, nhiều trường phổ thông dân tộc nội trú còn tập trung chủ yếu vào việc truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng đúng mức đến việc tạo ra một không gian cởi mở để học sinh được sáng tạo và phát huy những giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về môi trường học tập sáng tạo như: Phạm Ngọc Sơn (2024); Fisher, K. & Newton, C. (2014) và về giáo dục văn hóa tại vùng dân tộc thiểu số của Hoàng Thị Hương (2010) và Trần Văn Bính (2018) nhưng các nghiên cứu này thường dừng lại ở cấp độ hoạt động sư phạm hoặc chính sách vĩ mô. Việc phân tích một cách hệ thống và chuyên sâu về vai trò quản lý nhà trường - tác nhân quyết định sự tích hợp thành công giữa sáng tạo và bản sắc văn hóa vẫn còn hạn chế. Từ đó, bài báo tập trung phân tích và làm rõ cơ sở lý luận của việc xây dựng môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hóa tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, thông qua lăng kính của công tác quản lý giáo dục.

Bài viết không chỉ làm nổi bật tầm quan trọng của vấn đề này mà còn đặt ra các câu hỏi nghiên cứu về vai trò, cơ chế và nguyên tắc quản lý cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Kết quả nghiên cứu lý thuyết sẽ cung cấp một khung sườn khoa học vững chắc, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp quản lý thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển bền vững cho các dân tộc thiểu số.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu hệ thống hoá cơ sở lý luận và tổng hợp các định nghĩa, đặc điểm và nguyên tắc bao gồm định nghĩa riêng về “Môi trường học tập sáng tạo; bản sắc văn hoá” và các nguyên tắc quản lý cốt lõi. Khái quát hóa các kết luận từ các lý thuyết liên quan (Thuyết Kiến tạo xã hội, Thuyết Đa trí tuệ, Lý thuyết Quản lý văn hóa) để hình thành khung lý thuyết chung. Tài liệu chọn lọc bao gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học, luận án và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, làm rõ khái niệm, vai trò và các nguyên tắc trong việc xây dựng môi trường học tập giàu bản

sắc văn hoá trong trường phổ thông dân tộc nội trú theo góc nhìn từ công tác quản lý nhà trường.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm về môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hoá

Theo tác giả Nguyễn Thị Thuý Dung (2021): “Môi trường học đường là toàn bộ các điều kiện về vật chất và tinh thần ở trường học, là nơi học sinh được giáo dục và phát huy được khả năng sáng tạo trong học tập”. Ngoài ra, còn có những nghiên cứu khác nghiên cứu về vai trò của công nghệ trong môi trường học tập sáng tạo và vai trò của phương pháp sư phạm trong việc khuyến khích sự sáng tạo của học sinh như: Voogt, J. & Roblin, N. P. (2012) và Runco, M. A (2007). Trong bối cảnh hiện nay, việc xây dựng một môi trường học tập sáng tạo là rất quan trọng đối với mỗi nhà trường - đặc biệt khi công nghệ và AI ngày càng phát triển. Điều này cũng góp phần giúp giáo viên thay đổi được cách dạy và học sinh thay đổi được cách học.

Tác giả Phan Thị Quỳnh (2020) định nghĩa: “Môi trường học tập sáng tạo không chỉ là không gian vật lý mà còn là một trạng thái tâm lý, nơi mà học sinh cảm thấy an toàn để thử nghiệm và thất bại mà không sợ bị chỉ trích”. Cùng với đó tác giả Lê Huy Minh (2021) cũng định nghĩa: Môi trường học tập sáng tạo là không gian nơi học sinh có thể tự do thể hiện ý tưởng, khám phá và phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Nó bao gồm các yếu tố như sự khuyến khích từ giáo viên, tài nguyên học tập phong phú và sự tương tác tích cực giữa học sinh. Trong cuốn sách của tác giả Trần Kim Phượng (2023) có viết: Môi trường sáng tạo học tập nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập hợp tác, nơi mà học sinh có thể làm việc nhóm để giải quyết vấn đề và phát triển các giải pháp sáng tạo.

Từ những định nghĩa của các tác giả được nêu trên, ta có thể hiểu rằng: “Môi trường học tập là môi trường kết hợp các yếu tố vật chất và tinh thần để khuyến khích học sinh tư duy độc lập, dám đặt câu hỏi, thử nghiệm và giải quyết vấn đề một cách độc đáo thay vì thụ động tiếp thu kiến thức. Môi trường này tạo cơ hội cho học sinh khám phá tiềm năng của bản thân, thể hiện ý tưởng riêng và vượt qua giới hạn của mình thông qua các phương pháp học tập đa dạng và tương tác tích cực”.

a. Đặc điểm của môi trường học tập sáng tạo

Thứ nhất, các trường bố trí không gian linh hoạt

bằng cách thiết kế các lớp học, thư viện và sân chơi theo một cấu trúc mới, bố trí một cách tiện nghi phù hợp với các hoạt động đa dạng như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình hay thực hành các tiết học nghệ thuật.

Thứ hai, sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại. Giáo viên chuyển từ vai trò truyền thụ kiến thức sang người hướng dẫn, cố vấn, tạo cơ hội cho người học tham gia vào các dự án học tập, các hoạt động trải nghiệm, học qua chơi, giải quyết vấn đề thực tiễn.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường. Môi trường học tập sáng tạo cần được cung cấp đầy đủ sách vở, tài liệu, vật liệu học tập và tích hợp công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học để mở rộng không gian học tập, truy cập thông tin và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo.

Thứ tư, khuyến khích tư duy phản biện của học sinh. Giáo viên cần tạo không khí cởi mở, vui vẻ để học sinh thoải mái đặt câu hỏi, tranh luận, đưa ra ý kiến cá nhân và không ngại mắc lỗi. Tâm lý chính là yếu tố then chốt để học sinh có thể tự tin phát huy khả năng sáng tạo và tư duy phản biện của bản thân trong môi trường học tập.

Thứ năm, thúc đẩy sự hợp tác và giao tiếp trong môi trường học tập sáng tạo. Việc các em tham gia vào các hoạt động nhóm, trao đổi ý tưởng sẽ giúp các em học hỏi lẫn nhau, phát triển kỹ năng làm việc tập thể và giao tiếp hiệu quả hơn.

b. Bản sắc văn hoá

“Bản sắc văn hóa” hay còn gọi là bản thể văn hóa, là cảm giác hoặc ý thức cá nhân về việc mình thuộc về một nhóm xã hội cụ thể. Cảm giác này là một phần trong khái niệm và nhận thức về bản thân, gắn liền với các yếu tố như quốc tịch, sắc tộc, tôn giáo, giai cấp xã hội, thế hệ, địa phương, hoặc bất kỳ nhóm nào có nền văn hóa đặc trưng. Bản sắc văn hóa vừa phản ánh tính cá nhân, vừa thể hiện sự đồng nhất văn hóa giữa các thành viên cùng chia sẻ bản sắc đó (Moha Ennaji, 2005). Cùng với đó, trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm khóa VIII của Đảng đã đặt ra mục tiêu: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2021). Điều này cho thấy tầm quan trọng của bản sắc văn hóa trong phát triển đất nước.

Từ các định nghĩa trên, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng khái niệm bản sắc văn hoá của tác giả Ngô Đức Thịnh (2014): “Bản sắc văn hóa là tổng thể

các đặc trưng của văn hóa, được hình thành, tồn tại và phát triển suốt quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc. Các đặc trưng văn hóa ấy mang tính bền vững, trường tồn, trừu tượng và tiềm ẩn. Do vậy, muốn nhận biết bản sắc phải thông qua vô vàn các sắc thái văn hóa, với tư cách là sự biểu hiện của bản sắc văn hóa ấy. Nếu bản sắc văn hóa là cái trừu tượng, tiềm ẩn, bền vững thì các sắc thái biểu hiện của nó lại tương đối cụ thể, bộc lộ và khả biến hơn”.

Theo cách tiếp cận này, chúng ta có thể khẳng định rằng: “Bản sắc văn hoá” là hệ thống những giá trị, truyền thống, thẩm mỹ và lối sống của dân tộc tạo thành những đặc trưng tiêu biểu, tiến bộ, riêng biệt, không thể trộn lẫn nền văn hoá của dân tộc này với dân tộc khác. Bản sắc văn hoá biểu hiện cho sức sống, sự sáng tạo và phát triển của dân tộc đó.

Môi trường học tập học tập giàu bản sắc văn hoá là nơi mà các giá trị, tri thức, phong tục và ngôn ngữ truyền thống của các dân tộc thiểu số được tích hợp một cách có chủ đích vào chương trình học và các hoạt động ngoại khóa. Môi trường này không chỉ giúp học sinh hiểu và tự hào về cội nguồn của mình mà còn tạo điều kiện để các em trở thành người bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hiện đại.

Khi kết hợp, môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hóa là một hệ thống giáo dục toàn diện. Nó không chỉ cung cấp không gian để học sinh phát triển năng lực tư duy sáng tạo mà còn lồng ghép sâu sắc các yếu tố văn hóa vào quá trình học tập. Điều này tạo ra một môi trường mà ở đó học sinh không chỉ học “cái mới” mà còn trân trọng “cái cũ”, từ đó phát triển một cách hài hòa, tự tin và vững vàng trên con đường hội nhập.

3.2. Các thuyết liên quan

a. Thuyết kiến tạo xã hội (Social Constructivism)

Lí thuyết kiến tạo xã hội (Social constructivism) là một lí thuyết học dựa trên các công trình nghiên cứu của Albert Bandura (1986) đặc biệt là mô hình học xã hội và được phát triển bởi các nhà tâm lý học xã hội và tâm lý học phát triển xã hội. Nhấn mạnh vai trò của tương tác xã hội và bối cảnh văn hóa trong quá trình học tập và phát triển nhận thức của người học. Theo quan điểm tác giả, kiến thức không đơn thuần được truyền thụ một chiều từ giáo viên, mà được người học chủ động kiến tạo thông qua tương tác với người khác và với môi trường học tập xung quanh. Ba yếu tố chính trong thuyết kiến tạo xã hội bao gồm:

Phương diện kiến tạo là muốn nói đến chủ thể học: Nhấn mạnh vai trò lấy người học làm trung tâm trong việc xây dựng tri thức.

Phương diện xã hội là muốn nói đến các đối tác liên quan: Vai trò của người dạy, người học và cộng đồng trong việc hỗ trợ quá trình học tập.

Phương diện tương tác là muốn nói đến môi trường: Các tình huống học tập có ý nghĩa, gắn với thực tiễn văn hoá - xã hội của người học.

Với lí thuyết kiến tạo xã hội do Lev Vygotsky khởi xướng nhấn mạnh rằng, học tập không phải là một quá trình thụ động mà là một quá trình chủ động, trong đó người học kiến tạo tri thức thông qua tương tác xã hội và văn hóa. Theo lí thuyết này, môi trường văn hóa dân tộc đóng vai trò then chốt trong việc hình thành nhận thức và năng lực của học sinh. Khi học sinh được tương tác với bạn bè, giáo viên và cộng đồng xung quanh trong một môi trường giàu bản sắc văn hóa, các em sẽ tiếp thu và tái tạo kiến thức một cách sâu sắc hơn (Lev S. Vygotsky, 1978).

Trong bối cảnh trường dân tộc nội trú, lí thuyết này đặc biệt phù hợp để xây dựng một môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hoá, nơi học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn kiến tạo hiểu biết của mình thông qua giao tiếp, hợp tác và trải nghiệm văn hoá dân tộc. Việc tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng, lồng ghép các yếu tố văn hoá bản địa giúp học sinh nội trú không bị tách rời khỏi văn hoá của mình mà còn phát triển khả năng tư duy sáng tạo trên nền tảng bản sắc đó.

b. Lí thuyết đa trí tuệ (Multiple Intelligences)

Từ khi ra đời năm 1983 cho đến nay, Thuyết đa trí tuệ của nhà tâm lí học Mỹ Howard Gardner đã được nghiên cứu và ứng dụng vào các hoạt động với cấp độ khác nhau ở nhiều nước trên thế giới. Một số quốc gia và tổ chức quốc tế đã ứng dụng Thuyết đa trí tuệ vào việc hoạch định chính sách như: Australia, Canada, Trung Quốc... (Armstrong T, 2011). Đặc biệt, thuyết đa trí tuệ được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực giáo dục và đối với những lứa tuổi khác nhau. Thuyết này đã được tích hợp vào các sáng kiến giáo dục quy mô quốc gia tại nhiều nước và tác động tích cực đến hiệu quả giáo dục cũng như tới chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên và các trường/lớp đã ứng dụng nó vào hoạt động của mình.

Bên cạnh đó, ông cũng chỉ ra rằng, con người không chỉ có một loại trí tuệ duy nhất mà sở hữu nhiều loại trí tuệ khác nhau như trí tuệ ngôn ngữ, trí tuệ logic-toán học, trí tuệ âm nhạc, trí tuệ không

gian... Việc xây dựng một môi trường học tập đa dạng, tích hợp các hoạt động về nghệ thuật, thủ công và âm nhạc truyền thống sẽ giúp phát huy tối đa tiềm năng của từng cá nhân học sinh. Quản lí giáo dục cần tạo điều kiện để giáo viên thiết kế các bài học và hoạt động ngoại khóa phong phú, đáp ứng nhiều loại hình trí tuệ khác nhau, từ đó kích thích sự sáng tạo của học sinh (Howard Gardner, 1993).

Áp dụng vào môi trường giáo dục, lí thuyết này gợi mở cách tiếp cận toàn diện và cá nhân hóa cho mỗi học sinh. Trong các trường dân tộc nội trú - nơi học sinh đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau và có thiên hướng, năng lực riêng biệt - việc thiết kế môi trường học tập dựa trên lí thuyết đa trí tuệ sẽ:

Tạo điều kiện phát triển tối đa tiềm năng của từng học sinh, không chỉ là về mặt học thuật mà còn ở các lĩnh vực như nghệ thuật, âm nhạc, thể thao, làm đồ thủ công, sinh hoạt cộng đồng.

Có thể lồng ghép bản sắc văn hoá địa phương vào nội dung, phương pháp giảng dạy. Ví dụ âm nhạc dân tộc, kể chuyện truyền thống, các trò chơi dân gian...

Nhà trường khuyến khích học sinh tự do sáng tạo, lựa chọn nhiều cách thể hiện phù hợp với trí tuệ riêng biệt của từng học sinh, từ đó hình thành động lực và hứng thú trong học tập.

Để lí thuyết đa trí tuệ phát huy hiệu quả trong trường nội trú, công tác quản lí giáo dục cần hỗ trợ giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy linh hoạt, tổ chức các hoạt động ngoại khóa và chương trình trải nghiệm tích hợp đa trí tuệ, đồng thời tôn trọng sự đa dạng văn hóa và cá nhân của học sinh.

c. Lí thuyết quản lí văn hoá (Cultural Management)

Trong bối cảnh giáo dục, lí thuyết quản lí văn hóa tập trung vào việc quản lí các yếu tố văn hóa của tổ chức để đạt được mục tiêu. Hiệu trưởng và đội ngũ quản lí cần hiểu và sử dụng các yếu tố văn hóa dân tộc làm công cụ để xây dựng một môi trường học tập tích cực và hiệu quả. Việc xây dựng một văn hóa nhà trường cởi mở, tôn trọng giá trị dân tộc và khuyến khích sự sáng tạo sẽ tạo ra một động lực mạnh mẽ thúc đẩy học sinh học tập và phát triển (Edgar H. Schein, 1992). Việc quản lí văn hoá trong nhà trường không chỉ là việc tổ chức các hoạt động mà còn là việc xây dựng các chuẩn mực, giá trị và niềm tin chung để tất cả các thành viên trong nhà trường đều hướng đến mục tiêu chung mà nhà trường đã xây dựng.

Trong bối cảnh nhà trường dân tộc nội trú, việc xây dựng và quản lý một nền văn hoá nhà trường tích cực, tôn trọng bản sắc dân tộc là chìa khoá để thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh bao gồm: Xây dựng các giá trị chung trong nhà trường như tôn trọng sự khác biệt về văn hoá, tinh thần hợp tác, sáng tạo và trách nhiệm; Thiết lập các hoạt động và lễ nghi văn hoá như ngày hội văn hoá dân tộc, các phiên chợ, câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống... nhằm giúp người học gắn bó và tự hào về cội nguồn của mình; Khuyến khích giáo viên và học sinh cùng tham gia vào quá trình xây dựng văn hoá nhà trường thông qua các hoạt động cộng đồng, đối thoại và phân hồi hai chiều.

Một nhà quản lý có năng lực văn hoá sẽ không chỉ điều hành nhà trường bằng các quy định hành chính mà còn xây dựng được một môi trường học tập giàu tính nhân văn, mang đậm văn hoá dân tộc, từ đó thúc đẩy sự sáng tạo, phát triển cá nhân và cộng đồng.

3.3. Vai trò của quản lý giáo dục trong việc xây dựng môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc dân tộc

Trong khuôn khổ bài viết này, “Quản lý giáo dục” được hiểu là công tác quản lý nhà trường - tức là hoạt động quản trị, điều hành và tổ chức các hoạt động giáo dục tại cấp cơ sở giáo dục, do hiệu trưởng và đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường đảm nhiệm. Không giống với quản lý nhà nước về giáo dục ở tầm vĩ mô, quản lý nhà trường có vai trò trực tiếp, thường xuyên và quyết định trong việc xây dựng môi trường học tập cụ thể cho học sinh, đặc biệt là trong các trường dân tộc nội trú - nơi có những đặc thù về văn hóa, ngôn ngữ, phong tục và điều kiện sống của học sinh.

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, vai trò của quản lý nhà trường có thể phân tích theo bốn chức năng cơ bản: Lập kế hoạch; Tổ chức; Chỉ đạo; Kiểm tra theo (Nguyễn Quốc Chí & Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2011; Trần Kiểm, 2010) như sau:

a. Lập kế hoạch

Chức năng lập kế hoạch đóng vai trò định hướng toàn bộ các hoạt động quản lý. Để xây dựng một môi trường học tập vừa sáng tạo vừa giàu bản sắc văn hóa, nhà trường cần thiết kế các kế hoạch giáo dục lồng ghép nội dung văn hóa dân tộc và phát triển năng lực sáng tạo của học sinh ngay từ đầu năm học. Các kế hoạch này phải thể hiện sự tích hợp giữa mục tiêu chương trình, phương pháp dạy học tích cực và

các hoạt động giáo dục trải nghiệm giàu tính bản địa (Nguyễn Đức Chính, 2021).

Nhà trường cần khuyến khích giáo viên sử dụng các câu chuyện dân gian, bài hát truyền thống và lễ hội địa phương làm chất liệu cho các bài học theo tác giả (Nguyễn Thị Thu, 2021). Trong môn Ngữ văn có thể lồng ghép dạy về văn hóa qua các câu chuyện dân gian, sử thi; môn Toán học sẽ sử dụng các hoa văn thổ cẩm để giảng về hình học, đối xứng, môn Khoa học tự nhiên nghiên cứu các phương pháp canh tác truyền thống hoặc dược liệu dân gian.

Tác giả Vũ Thị Hồng Vân (2024) cũng đề cập đến vấn đề này, việc lồng ghép các yếu tố văn hóa dân tộc vào các chương trình giảng dạy, đặc biệt là ở các môn học liên quan đến lịch sử, văn học và nghệ thuật. Việc này không chỉ giúp học sinh nắm bắt và hiểu rõ hơn về nguồn gốc, truyền thống của dân tộc mà còn khuyến khích họ trân trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa qua các hoạt động học tập và sinh hoạt hằng ngày.

b. Tổ chức

Sau khi lập kế hoạch, nhà trường cần thực hiện chức năng tổ chức nhằm huy động và sắp xếp nguồn lực một cách hợp lý để thực hiện hoá các mục tiêu giáo dục. Đối với mục tiêu xây dựng môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc, công tác quản lý nhà trường được các tác giả nhận định như sau:

Theo tác giả Hoàng Trọng Hùng (2020), công tác tổ chức đội ngũ giáo viên theo hướng phát huy năng lực đổi mới phương pháp, tích hợp văn hoá, tích hợp văn hoá địa phương vào dạy học. Với nghiên cứu của Vũ Thị Ánh (2015) đã nhìn nhận hệ thống trường phổ thông dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng để tạo nguồn nhân lực cán bộ dân tộc thiểu số góp phần xây dựng kinh tế xã hội. Qua nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng như điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế của người dân, trình độ dân trí và đặc điểm của học sinh người dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất 3 biện pháp quản lý gồm: 1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cán bộ lãnh đạo địa phương và cộng đồng; 2) Đổi mới nội dung chương trình dạy học phù hợp; 3) Bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên công tác tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Thiết lập các câu lạc bộ học thuật và văn hoá dân tộc như câu lạc bộ nhạc cụ dân tộc, câu lạc bộ kể chuyện dân gian, câu lạc bộ truyền thống, giúp học sinh học tập qua những hoạt động nghệ thuật và thực hành văn hoá. Bên cạnh đó, huy động nguồn

lực từ cộng đồng: mời nghệ nhân dân gian, già làng, cha mẹ học sinh tham gia hoạt động giáo dục văn hóa tại trường (Nguyễn Thị Thu Huyền, 2019).

Tổ chức không gian học tập giàu tính bản sắc. Ví dụ, có thể trang trí lớp học với sản phẩm văn hoá, trưng bày hiện vật dân tộc, xây dựng các “góc văn hoá dân tộc” trong thư viện. Việc tổ chức hiệu quả sẽ tạo nên một môi trường giáo dục mang tính đa chiều, kích thích sự sáng tạo và khẳng định giá trị văn hoá dân tộc của học sinh.

c. Chỉ đạo

Vai trò chỉ đạo liên quan đến việc điều hành, hướng dẫn, điều chỉnh các hoạt động giáo dục diễn ra trong nhà trường. Hiệu trưởng và ban giám hiệu cần:

Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy vai trò chủ thể của người học, vận dụng mô hình dạy học kiến tạo xã hội (Albert Bandura, 1986; Lev S. Vygotsky, 1978), qua đó giúp học sinh xây dựng tri thức thông qua việc học sinh tương tác với bạn bè, giáo viên và bối cảnh văn hoá.

Định hướng giáo viên thiết kế các hoạt động học tập dựa trên lý thuyết đá trí tuệ (Howard Gardner, 1993), đảm bảo học sinh có cơ hội thể hiện thế mạnh cá nhân thông qua nhiều hình thức kể chuyện, vẽ tranh, diễn kịch, làm thủ công...

Khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên trong việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức dạy học sao cho phù hợp với đặc trưng văn hoá của từng nhóm học sinh.

Chỉ đạo phối hợp thực hiện hiệu quả giữa giáo viên, phụ huynh, cộng đồng và chính quyền địa phương trong việc tái hiện không gian văn hoá bản địa trong trường học (Edgar H. Schein, 1992).

Với cách chỉ đạo linh hoạt và nhân văn này sẽ tạo động lực cho giáo viên và học sinh, đồng thời cũng góp phần nâng cao hiệu quả tích hợp giữa sáng tạo và bản sắc trong môi trường học tập.

d. Kiểm tra

Chức năng kiểm tra giúp nhà trường đánh giá mức độ đạt được của kế hoạch đã đề ra, đồng thời điều chỉnh hoạt động giáo dục khi cần thiết. Trong xây dựng môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hoá, quản lý nhà trường cần:

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sự tích hợp văn hoá và mức độ sáng tạo trong dạy học, không chỉ dựa trên kết quả học tập mà còn xem xét dựa trên kết quả học tập, sự tham gia tích cực vào các hoạt

động, kĩ năng trình bày thể hiện quan điểm cá nhân của học sinh.

Tổ chức kiểm tra nội bộ định kì, đặc biệt chú trọng đến phương pháp dạy học, mức độ gắn kết văn hóa dân tộc trong bài giảng và sự hài lòng của học sinh.

Thu thập phản hồi từ học sinh và phụ huynh về các hoạt động tích hợp văn hóa, từ đó điều chỉnh nội dung cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và đặc điểm văn hóa địa phương (Nguyễn Thị Thuý, 2022).

Cuối cùng là kiểm tra việc sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị và môi trường học tập nhằm đảm bảo tính hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo và văn hóa hóa quá trình giáo dục. Cụ thể, việc đầu tư vào các phòng học chức năng như phòng kĩ thuật, phòng nhạc cụ truyền thống, hoặc khu vực trưng bày văn hóa phẩm là rất cần thiết (Hoàng Văn Thắng, 2021).

Công tác kiểm tra không chỉ để giám sát mà còn là một phương tiện phát triển nhà trường, tạo điều kiện điều chỉnh và nâng cao chất lượng môi trường học tập theo hướng cá thể hóa, sáng tạo và nhân văn.

3.4. Nguyên tắc quản lí để xây dựng môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hoá

Để có được một môi trường học tập hiệu quả tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, công tác quản lí giáo dục cần phải dựa trên các nguyên tắc nền tảng. Các nguyên tắc này không chỉ là kim chỉ nam cho việc điều hành mà còn là yếu tố quyết định sự thành công của quá trình giáo dục.

Nguyên tắc tích hợp: Đây chính là nguyên tắc cốt lõi, yêu cầu lồng ghép các yếu tố văn hóa dân tộc vào mọi hoạt động giáo dục một cách tự nhiên và có chủ đích. Công tác quản lí cần chỉ đạo việc tích hợp nội dung về lịch sử, truyền thống, trang phục và ẩm thực của các dân tộc vào các môn học chính khóa như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí. Ví dụ, trong môn Ngữ văn, giáo viên có thể đưa các câu chuyện cổ, ca dao, tục ngữ của dân tộc thiểu số vào bài giảng. Quản lí cũng cần khuyến khích việc sử dụng song ngữ (tiếng dân tộc và tiếng Việt) trong một số hoạt động sinh hoạt chung để học sinh vừa giữ gìn tiếng mẹ đẻ, vừa nâng cao năng lực tiếng Việt.

Nguyên tắc đa dạng hoá các hoạt động: John Dewey (1859-1952): Nhà tâm lí học và triết học người Mỹ, ông là người khởi xướng các phương pháp dạy học tích cực đặc biệt là phương pháp tiếp cận dự án. Theo ông, cá nhân tự tìm cách phát triển một cách tự nhiên và tìm cách đạt được thành tích cá nhân ở một mức độ cao: nhà trường phải cung cấp các phương tiện để

họ thực hiện được điều đó. Học thuyết nổi tiếng của ông là học bằng việc làm (Learning by doing), hoặc bằng cách làm chứ không phải bằng cách lắng nghe như trong sự phạm truyền thống, học sinh phải hành động, xây dựng các dự án, thực hiện dự án đúng kì hạn, rút kinh nghiệm và học cách trình bày lại dự án.

Từ học thuyết của ông, ta có thể nhận định được nguyên tắc này tập trung vào việc tạo ra các hoạt động học tập phong phú để đáp ứng nhiều loại hình trí tuệ và sở thích của người học. Nhà trường, giáo viên cần xây dựng và đa dạng hoá các hoạt động ngoại khoá bằng cách thành lập các câu lạc bộ văn hoá nghệ thuật (như câu lạc bộ múa khèn, dệt thổ cẩm, chế tác nhạc cụ), các cuộc thi sáng tạo khoa học kĩ thuật dựa trên các vấn đề thực tiễn tại địa phương, hay các dự án học tập (Project-based learning) khám phá văn hóa dân tộc. Điều này không chỉ giúp học sinh phát triển năng khiếu mà còn củng cố sự tự tin và tình yêu với văn hóa cội nguồn.

Nguyên tắc cộng đồng: Ở đây, nhấn mạnh đến sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và cộng đồng dân tộc địa phương. Quản lí giáo dục cần xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững với các già làng, trưởng bản, nghệ nhân và phụ huynh học sinh. Nhà trường có thể mời các nghệ nhân đến truyền dạy nghề thủ công truyền thống, kể chuyện cổ tích, hoặc tổ chức các buổi lễ hội văn hóa ngay trong khuôn viên trường. Sự tham gia của cộng đồng không chỉ làm cho môi trường học tập trở nên sống động mà còn tạo ra một “kênh” trực tiếp để học sinh học hỏi và tiếp thu những giá trị văn hóa chân thực nhất.

Nguyên tắc khuyến khích học tập: Nguyên tắc này đòi hỏi nhà quản lí giáo dục phải tạo ra một môi trường học tập an toàn, nơi mà sự sáng tạo và đổi mới được khuyến khích và ghi nhận. Nhà trường cần xây dựng các cơ chế khen thưởng rõ ràng cho cả giáo

viên và học sinh khi họ có những ý tưởng độc đáo, sáng kiến hay trong công tác dạy và học. Ví dụ, tổ chức các cuộc thi “Sáng tạo trẻ”, “Dự án văn hóa tiêu biểu” để vinh danh những cá nhân và tập thể xuất sắc. Điều này sẽ thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm và tạo động lực để mọi thành viên trong trường đều trở thành những người sáng tạo và đổi mới.

Nguyên tắc linh hoạt: Quản lí giáo dục cần đảm bảo sự linh hoạt trong việc điều chỉnh chương trình và hoạt động để phù hợp với đặc điểm văn hóa, điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh xã hội của từng dân tộc. Một chương trình học chung không thể áp dụng máy móc cho tất cả các trường dân tộc nội trú. Thay vào đó, quản lí cần cho phép giáo viên được chủ động điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy để phù hợp với đặc trưng văn hóa của học sinh, từ đó làm cho việc học trở nên gần gũi, ý nghĩa và hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Việc xây dựng môi trường học tập sáng tạo và giàu bản sắc văn hoá cho học sinh trường dân tộc nội trú là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Dựa trên cơ sở lí luận về môi trường học tập, các thuyết liên quan, bài viết đã làm rõ vai trò của công tác quản lí nhà trường trong việc định hướng, tổ chức và phát triển môi trường học tập đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực sáng tạo và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Để đạt được mục tiêu này, người quản lí cần vận dụng linh hoạt các nguyên tắc quản lí giáo dục, đảm bảo sự phù hợp với đặc thù văn hoá - xã hội của học sinh dân tộc nội trú, đồng thời thúc đẩy sự tham gia tích cực của toàn thể nhà trường và cộng đồng. Đây chính là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục và góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá trong bối cảnh hội nhập.

Tài liệu tham khảo

- Albert Bandura. (1986). *Social Foundations of Thought and Action: A Social-Cognitive Theory*. NJ: Prentice-Hall.
- Armstrong T. (2011). *Đa trí tuệ trong lớp học* (Lê Quang Long dịch). NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Đảng Cộng Sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I.H*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.143.
- Edgar H. Schein. (1992). *Organizational Culture and Leadership* (2nd ed.). Jossey-Bass Publishers.
- Fisher, K. & Newton, C. (2014). *The impact of physical learning environments on student creativity: A systematic review*. 17(2), pp.213–231.
- Hoàng Thị Hương. (2010). *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kì hội nhập quốc tế*.
- Hoàng Trọng Hùng. (2020). *Quản lí hoạt động giáo dục trong trường học theo định hướng phát triển năng lực học sinh*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Hoàng Văn Thắng. (2021). *Quản lí nguồn lực trong các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- Howard Gardner. (1993). *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*. Basic Books.
- Lev S. Vygotsky. (1978). *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes*. Harvard University Press.
- Lê Huy Minh. (2021). *Môi trường học tập sáng tạo: Đặc điểm và vai trò trong giáo dục hiện đại*, tr.50–60.
- Moha Ennaji. (2005). *Multilingualism, Cultural Identity, and Education*.
- Ngô Đức Thịnh. (2014). *Giá trị văn hóa Việt Nam truyền thống và biến đổi*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Chính. (2021). *Đổi mới giáo dục vùng dân tộc thiểu số từ lý luận đến thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Quốc Chí & Nguyễn Thị Mỹ Lộc. (2011). *Giáo trình quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thu. (2021). *Quản lý giáo dục và phát triển văn hóa học đường*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thu Huyền. (2019). *Phát huy vai trò cộng đồng trong giáo dục văn hóa cho học sinh dân tộc thiểu số*, tr.45-48.
- Nguyễn Thị Thuý. (2022). *Đánh giá hoạt động giáo dục tích hợp văn hóa dân tộc trong trường phổ thông dân tộc nội trú*. 28(5), tr.122–130.
- Phạm Thị Hà. (2020). *Xây dựng văn hóa nhà trường - Vấn đề và giải pháp*. 10(4), tr.21–35.
- Phan Thị Quỳnh. (2020). *Tư duy sáng tạo trong giáo dục xây dựng môi trường học tập tích cực*, tr.75–85.
- Trần Kiểm. (2010). *Lý luận quản lý giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Trần Kim Phượng. (2023). *Khám phá môi trường học tập sáng tạo: Từ lý thuyết tới thực tiễn*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Trần Văn Bính. (2018). *Tổ chức giáo dục truyền thống văn hoá Tây Bắc nước ta*. Kì yếu đề tài Khoa học cấp cơ sở.
- Trần Văn Hùng. (2021). *Phát triển tư duy sáng tạo trong bối cảnh đổi mới giáo dục*. 15(2), tr.45–58.
- Vũ Thị Ánh. (2015). *Nâng cao chất lượng giáo dục trong các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú*. 75, tr.24–27.
- Vũ Thị Hồng Vân. (2024). *Giáo dục giá trị văn hóa dân tộc cho học sinh từ quan điểm xây dựng và phát triển văn hóa*. *Cadernos de Educação, Tecnologia e Sociedade*, pp.134–146.